

Phụ lục
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH, ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TRONG LĨNH VỰC
TÀI NGUYÊN NƯỚC THUỘC PHẠM VI QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CỦA SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
(Ban hành kèm theo Quyết định số #sovb/QĐ-UBND ngày #nbh/3/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Nam)

A. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH MỚI BAN HÀNH

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/Lệ phí	Căn cứ pháp lý
1	1.011516.000.00.00.H47	Đăng ký khai thác sử dụng nước mặt, nước biển	- Đăng ký khai thác, sử dụng nước mặt, nước biển: 10 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ Hành chính công Quảng Nam	Không quy định	- Luật Tài nguyên nước ngày 21/6/2012. - Nghị định số 02/2023/NĐ-CP ngày 01/02/2023 của Chính phủ
2	1.011517.000.00.00.H47	Đăng ký khai thác sử dụng nước dưới đất	- Đăng ký khai thác sử dụng nước dưới đất: 15 ngày làm việc;	Trung tâm Phục vụ Hành chính công Quảng Nam	Không quy định	- Luật Tài nguyên nước ngày 21/6/2012. - Nghị định số 02/2023/NĐ-CP ngày 01/02/2023 của Chính phủ
3	1.011518.000.00.00.H47	Trả lại giấy phép tài nguyên nước	10 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ Hành chính công Quảng Nam	Không quy định	- Luật Tài nguyên nước ngày 21/6/2012. - Nghị định số 02/2023/NĐ-CP ngày 01/02/2023 của Chính phủ

B. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG

TT	Số hồ sơ TTHC	Thời hạn giải quyết	Tên thủ tục hành chính (được sửa đổi, bổ sung)	Địa điểm thực hiện	Phí/Lệ phí	Căn cứ pháp lý
I	THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH					
1	1.004232.000. 00.00.H47	54 ngày làm việc	Cấp giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3.000m ³ /ngày đêm	Trung tâm Phục vụ Hành chính công Quảng Nam	Nghị quyết số 33/2016 NQ- HĐND ngày 08/12/2016; Quyết định số 4777/QĐ- UBND ngày 30/12/2016	- Luật Tài nguyên nước ngày 21/6/2012; - Nghị định số 02/2023/NĐ-CP ngày 01/02/2023 - Nghị định số 60/2016/NĐ- CP ngày 1/7/2016; Nghị định số 136/2018/NĐ-CP ngày 05/10/2018.
2	1.004228.000. 00.00.H47	49 ngày làm việc	Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3.000m ³ /ngày đêm	Trung tâm Phục vụ Hành chính công Quảng Nam		
3	1.004223.000. 00.00.H47	54 ngày làm việc	Cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3.000m ³ /ngày đêm	Trung tâm Phục vụ Hành chính công Quảng Nam	Nghị quyết số 33/2016 NQ- HĐND ngày 08/12/2016; Quyết định số 4777/QĐ-UBND ngày 30/12/2016	
4	1.004211.000. 00.00.H47	49 ngày làm việc	Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3.000m ³ /ngày đêm	Trung tâm Phục vụ Hành chính công Quảng Nam		
5	1.004179.000.	54 ngày	Cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt cho	Trung tâm Phục vụ Hành	Nghị quyết số 33/2016 NQ-	- Luật Tài nguyên nước ngày 21/6/2012;

TT	Số hồ sơ TTHC	Thời hạn giải quyết	Tên thủ tục hành chính (được sửa đổi, bổ sung)	Địa điểm thực hiện	Phí/Lệ phí	Căn cứ pháp lý
	00.00.H47	làm việc	sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản đối với hồ chứa, đập dâng thủy lợi có lưu lượng khai thác dưới 2m ³ /giây và dung tích toàn bộ dưới 20 triệu m ³ , hoặc lưu lượng khai thác từ 2m ³ /giây trở lên và dung tích toàn bộ dưới 3 triệu m ³ , hoặc đối với công trình khai thác, sử dụng nước khác với lưu lượng khai thác dưới 5 m ³ /giây; phát điện với công suất lắp máy dưới 2.000 kw; cho các mục đích khác với lưu lượng dưới 50.000 m ³ /ngày đêm; cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước biển cho mục đích sản xuất, kinh doanh, dịch vụ với lưu lượng dưới 1.000.000 m ³ /ngày đêm	chính công Quảng Nam	HĐND ngày 08/12/2016; Quyết định số 4775/QĐ-UBND ngày 30/12/2016	- Nghị định số 02/2023/NĐ-CP ngày 01/02/2023 - Nghị định số 60/2016/NĐ-CP ngày 1/7/2016; Nghị định số 136/2018/NĐ-CP ngày 05/10/2018.
6	1.004167.000.00.00.H47	49 ngày làm việc	Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt đối với hồ chứa, đập dâng thủy lợi có dung tích toàn bộ từ 20 triệu m ³ trở lên; hồ chứa, đập dâng thủy lợi khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản với lưu lượng từ 2m ³ /giây trở lên và có dung tích toàn bộ từ 03 triệu m ³ trở lên; công trình khai thác, sử dụng nước khác cấp cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản với lưu lượng khai thác từ 5m ³ /giây trở lên; phát điện với công suất lắp máy từ 2.000 kw trở lên; cho các mục đích khác với lưu lượng từ 50.000m ³ /ngày đêm trở lên; cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước biển cho mục đích sản xuất bao gồm cả nuôi trồng thủy sản, kinh doanh, dịch vụ trên đất liền với lưu lượng từ 1.000.000 m ³ /ngày đêm	Trung tâm Phục vụ Hành chính công Quảng Nam	Nghị quyết số 33/2016 NQ-HĐND ngày 08/12/2016; Quyết định số 4775/QĐ-UBND ngày 30/12/2016	- Luật Tài nguyên nước ngày 21/6/2012; - Nghị định số 02/2023/NĐ-CP ngày 01/02/2023 - Nghị định số 60/2016/NĐ-CP ngày 1/7/2016; Nghị định số 136/2018/NĐ-CP ngày 05/10/2018.

TT	Số hồ sơ TTHC	Thời hạn giải quyết	Tên thủ tục hành chính (được sửa đổi, bổ sung)	Địa điểm thực hiện	Phí/Lệ phí	Căn cứ pháp lý
7	1.000824.000. 00.00.H47	16 ngày làm việc	Cấp lại giấy phép tài nguyên nước	Trung tâm Phục vụ Hành chính công Quảng Nam	Nghị quyết số 33/2016 NQ- HĐND ngày 08/12/2016;	- Luật Tài nguyên nước ngày 21/6/2012; - Nghị định số 02/2023/NĐ- CP ngày 01/02/2023
8	1.001740.000. 00.00.H47	67 ngày làm việc	Lấy ý kiến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đối với các dự án đầu tư có chuyển nước từ nguồn nước liên tỉnh, dự án đầu tư xây dựng hồ, đập trên dòng chính thuộc lưu vực sông liên tỉnh (TTHC cấp tỉnh)	Trung tâm Phục vụ Hành chính công Quảng Nam	Không quy định	- Luật Tài nguyên nước ngày 21/6/2012; - Nghị định số 02/2023/NĐ- CP ngày 01/02/2023
II	THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN					
1	1.001662.000. 00.00.H47	10 ngày làm việc	Đăng ký khai thác nước dưới đất	UBND cấp huyện	Không quy định	- Luật Tài nguyên nước ngày 21/6/2012; - Nghị định số 02/2023/NĐ- CP ngày 01/02/2023
2	1.001645.000. 00.00.H47	40 ngày làm việc	Lấy ý kiến Ủy ban nhân dân cấp xã, cấp huyện đối với các dự án đầu tư có chuyển nước từ nguồn nước nội tỉnh	UBND cấp huyện	Không quy định	

